

Số: 1304 -2023/QHCĐ-HATS

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 1 NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 17/11/2022.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2023 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Nội dung	ĐVT	Quý 1.2023	Quý 1.2022	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	Đồng	655,141,507,370	652,451,203,036	0.41%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Đồng	119,018,870,234	199,943,197,173	-40.47%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	Đồng	295,104,773,691	287,298,872,711	2.72%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Đồng	104,639,083,200	126,665,349,131	-17.39%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 1 năm nay giảm 40,47% (BC hợp nhất) và 17,39% (BC công ty mẹ) so với quý 1 năm trước:

- + Sản lượng, doanh thu hoạt động cảng giảm do nâng cấp sửa chữa mặt bãi.
- + Số lượng tàu của đội tàu Hải An kỳ này 11 tàu, kỳ trước 9 tàu. Trong khi đó sản lượng khai thác giảm, giá cước biển và cho thuê tàu đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chi phí tăng dẫn tới lợi nhuận hoạt động tàu giảm mạnh.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Tư Thành Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Hà Nội, tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.221.802.223.578	1.221.542.508.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	135.445.522.085	129.438.097.542
1. Tiền	111		135.445.522.085	109.438.097.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.500.000.000	36.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.500.000.000	36.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		937.598.741.503	932.612.162.951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72.076.653.695	118.697.065.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	378.691.598.145	320.263.457.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	50.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	436.995.323.275	443.816.474.346
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19.581.954.485	18.970.109.791
1. Hàng tồn kho	141	V.8	19.581.954.485	18.970.109.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.676.005.505	104.022.138.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.555.489.228	6.615.935.965
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		87.120.516.277	97.406.202.729
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.438.675.262.700	2.441.024.148.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		164.443.150.000	184.443.150.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	13.600.000.000	33.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150.843.150.000	150.843.150.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.887.857.649.101	1.919.748.606.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.885.622.031.872	1.917.477.667.260
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>2.609.162.326.270</i>	<i>2.589.926.753.685</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(723.540.294.398)</i>	<i>(672.449.086.425)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.235.617.229	2.270.938.767
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>6.541.325.236</i>	<i>6.541.325.236</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(4.305.708.007)</i>	<i>(4.270.386.469)</i>
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.168.165.365	40.456.597.022
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	41.168.165.365	40.456.597.022
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	280.166.648.651	257.930.850.271
1. Đầu tư vào công ty con	251		294.138.800.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.467.017.849)	(14.186.716.229)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		65.039.649.583	38.444.945.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	65.039.649.583	38.444.945.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.660.477.486.278	3.662.566.657.874

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.633.643.212.993	1.740.371.467.789
I. Nợ ngắn hạn	310		620.761.305.166	684.772.559.436
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.057.910.512	50.061.510.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.067.802	2.857.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	30.498.527.661	114.080.175.829
4. Phải trả người lao động	314		1.724.414.340	6.063.255.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.492.705.153	7.103.819.080
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	17.123.684.310	8.141.925.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	284.260.462.981	275.493.297.994
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	209.547.561.760	172.920.747.522
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	46.052.970.647	50.904.970.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.012.881.907.827	1.055.598.908.353
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		484.000.000.000	484.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	528.881.907.827	571.598.908.353
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.026.834.273.285	1.922.195.190.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.026.834.273.285	1.922.195.190.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		703.446.670.000	703.446.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.446.670.000	703.446.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		352.405.070.809	352.405.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		779.341.884.317	674.702.801.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		674.702.801.117	674.702.801.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.639.083.200	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.660.477.486.278	3.662.566.657.874

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	295.104.773.691	287.298.872.711
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		295.104.773.691	287.298.872.711
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	152.787.007.472	127.393.964.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142.317.766.219	159.904.908.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.074.745.521	4.655.946.230
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.044.263.513	3.736.358.462
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.731.295.113	3.683.436.289
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.241.929.635	7.745.099.773
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		125.106.318.592	153.079.396.324
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.348.674.890	33.386.293
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.597.712	50.540.066
13. Lợi nhuận khác	40		1.344.077.178	(17.153.773)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.450.395.770	153.062.242.551
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	21.811.312.570	26.396.893.420
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>104.639.083.200</u>	<u>126.665.349.131</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126.450.395.770	387.938.318.658
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		38.955.949.478	80.137.168.087
- Các khoản dự phòng	03		1.280.301.620	5.556.241.389
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		673.892.160	(275.781.675)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.095.761.605)	(47.347.670.523)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.731.295.113	11.136.637.783
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.996.072.536	437.144.913.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		68.980.205.388	(78.952.762.377)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(611.844.694)	(2.167.324.643)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(135.733.279)	250.997.547.097
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(25.534.257.270)	(2.990.061.206)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.933.450.719)	(14.394.599.498)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(111.669.092.891)	(53.815.267.484)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(4.852.000.000)	(5.684.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.239.899.071	530.138.045.608
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(81.233.241.528)	(421.315.392.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.000.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(23.516.100.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(9.158.920.531)	39.092.794.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73.908.232.059)	(473.968.052.531)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	98.939.520.415
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	63.710.948.358	182.344.641.571
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(69.801.134.646)	(107.492.199.823)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(585.200.000)	(47.284.355.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.675.386.288)	126.507.606.663
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.656.280.724	182.677.599.740
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	129.438.097.542	135.041.246.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(648.856.181)	(304.619.529)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	135.445.522.085	317.414.227.149

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Dịch vụ vận tải	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Vận tài và Xếp dỡ Hải An	thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tài và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 73 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 74 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.365.783.123	924.915.077
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	134.079.738.962	108.513.182.465
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	20.000.000.000
Cộng	135.445.522.085	129.438.097.542

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	294.138.800.000	(15.467.017.849)	270.622.700.000	(14.186.716.229)
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(10.621.473.281)	139.622.700.000	(14.186.716.229)
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An ^(v)	23.516.100.000	(4.845.544.568)	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1,494,000,000	-	1,494,000,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	295.633.666.500	(15.467.017.849)	272.117.566.500	(14.186.716.229)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An số tiền 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND tương đương 810.000 cổ phần. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho người lao động, tăng vốn điều lệ lên 33.050.000.000 VND, tương đương 3.305.000 cổ phần. Công ty nhận được 896.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An do Công ty này trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.195.200 cổ phiếu, tương đương 36,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (số đầu năm là 298.800 cổ phiếu, tương đương 36,89% vốn điều lệ)
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0202186357 ngày 02 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An số tiền 23.516.100.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Số đầu năm	(14.186.716.229)	(26.253.330.162)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.845.544.568)	-
Hoàn nhập dự phòng	3.565.242.948	
Số cuối kỳ	(15.467.017.849)	(26.253.330.162)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	49.113.666.725	59.951.710.790
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	9.743.097.456	11.025.000.000
Phí cấp nước ngọt phải trả công ty con	62.400.000	-
Thuê văn phòng của công ty mẹ	601.841.906	630.824.152
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	246.000.000	246.000.000
Công ty con chia lợi nhuận	638.394.482	1.589.688.746
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cung cấp dịch vụ cho HACT	122.534.048.815	60.635.338.723
Chi hộ HACT	-	36.360.000
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	28.201.964.621	3.959.964.000
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	-	13.000.000.000
Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)		
Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	1.283.676.020	2.849.134.759
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	622.570.000	475.650.000
Cho Pan Hải An vay		
Thu tiền gốc cho vay từ Pan Hải An	20.000.000.000	-
Lãi cho vay	316.000.000	582.500.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAAL	1.508.411.159	1.581.860.158
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	6.000.000.000
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An		
HATS góp vốn	23.516.100.000	-
HATS cung cấp dịch vụ	15.879.464.534	-
HATS chi hộ	1.932.174.872	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAGS	43.781.792	44.504.646
Sử dụng dịch vụ của HAGS	908.280.365	889.863.780
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	70.846.635	53.941.064

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	47.280.006.662	112.293.713.049
Công ty TNHH Cảng Hải An	42.486.208.379	40.329.869.234
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	1.913.023.488	68.879.761.355
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.659.165.274	1.355.620.478
Công ty TNHH Pan Hải An	386.710.049	797.926.670
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	90.885.167	71.278.652
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	88.432.130	15.216.500
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	655.582.175	844.040.160
Phải thu các khách hàng khác	24.796.647.033	6.403.352.168
CÔNG TY TNHH OOCL VIỆT NAM	1.567.544.131	1.572.480.581
CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ZIM HẢI AN	17.981.203.259	-
CK LINE CO., LTD	599.437.348	610.944.373
HMM CO., LTD	132.012.378	397.923.180
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	905.665.357	941.777.966

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY TNHH THORESEN - VI NA MA LOGISTICS	-	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Liên Hợp	168.945.660	297.641.529
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NAM SUNG SHIPPING VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG	1.081.833.550	1.400.083.049
Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Macs	655.075.269	706.658.240
Khách hàng khác	1.704.930.081	475.843.250
Cộng	72.076.653.695	118.697.065.217

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	378.691.598.145	320.263.457.000
CÔNG TY CỔ PHẦN UNICO VINA	475.200.000	-
Công ty TNHH Quốc tế B2B	892.650.000	-
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM	954.457.100	-
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	365.337.140.000	304.051.069.400
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	951.126.000	-
Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	-	314.427.000
Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	-	2.356.797.000
ASL Shipyard Pte Ltd	-	1.181.056.000
CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIỆT NAM)	-	200.520.661
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	9.249.934.650	11.659.791.000
Các nhà cung cấp khác	831.090.395	499.795.939
Cộng	378.691.598.145	320.263.457.000

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	176.442.037.911	171.644.712.213
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	10.254.682.136	21.116.287.654
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	165.976.128.558	149.020.307.770

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

<i>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An</i>	98.343.977.526	93.324.451.508
<i>Công ty cổ phần vận tải biển An Biên</i>	49.746.566.433	37.842.110.737
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức</i>	15.910.935	-
<i>Công ty CP đầu tư và vận tải Hải Hà</i>	7.964.068	-
<i>Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An</i>	4.781.882	-
<i>Công ty CP giao nhận vận tải Hải An</i>	3.182.189	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C</i>	17.853.745.525	17.853.745.525
Các khoản chi hộ	211.227.217	1.508.116.789
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	260.553.285.364	272.171.762.133
Tổng công ty Bảo hiểm PVI - Chi phí sự cố tàu HA City	133.822.796.658	133.976.708.530
Doanh thu tạm tính	568.502.000	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	124.423.676.376	124.423.676.376
Ký cược, ký quỹ	116.350.000	11.644.350.000
Tạm ứng	542.320.000	589.603.600
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.079.640.330	1.537.423.627
Cộng	436.995.323.275	443.816.474.346

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHD ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	150.769.150.000	150.769.150.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (i)	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (ii)	80.769.150.000	80.769.150.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	74.000.000	74.000.000
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	74.000.000
Cộng	150.843.150.000	150.843.150.000

- (i) Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25.000.000.000	25,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	60.000.000.000	60,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	5.000.000.000	5,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	5,00%
Cộng	100.000.000.000	100%

- (iii) Là khoản phải thu Công ty cổ phần vận tải biển An Biên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	80.769.150.000	31,50%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	76.923.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	25.641.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.256.400.000	4,00%
Công ty TNHH quỹ TM Holding	51.282.000.000	20,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6.410.250.000	2,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.128.200.000	2,00%
Cộng	256.410.000.000	100%

7. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tài Hung Thịnh - phải thu Trên 3 năm cung cấp dịch vụ		65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tài Thương mại Hoàng Gia - Trên 3 năm phải thu cung cấp dịch vụ		99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Cộng		164.833.612	(164.833.612)		164.833.612	(164.833.612)

Trong kỳ không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	18.883.859.099	18.399.638.985
Công cụ, dụng cụ	698.095.386	570.470.806
Cộng	19.581.954.485	18.970.109.791

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	2.785.262.600	2.215.717.146
Phí đường bộ	35.634.750	89.049.500
Chi phí thuê văn phòng	32.000.000	80.000.000
Dầu nhờn	2.588.788.140	4.231.169.319
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	113.803.738	-
Cộng	5.555.489.228	6.615.935.965

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	5.553.391.076	5.529.908.591
Chi phí lên đà tàu Hai An Link, West, City	59.269.837.690	31.758.137.317
Chi phí khác	216.420.817	1.156.899.668
Cộng	65.039.649.583	38.444.945.576

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	227.398.863.668	315.801.006.983	2.024.977.038.134	828.474.546	20.921.370.354	2.589.926.753.685
Mua trong kỳ	-	19.237.572.585	-	-	-	19.237.572.585
Giảm khác	-	-	(2.000.000)	-	-	(2.000.000)
Số cuối kỳ	227.398.863.668	335.038.579.568	2.024.975.038.134	828.474.546	20.921.370.354	2.609.162.326.270
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	148.330.807.143	267.008.726.464	243.742.542.765	783.187.818	12.583.822.235	672.449.086.425
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	2.437.476.210	4.583.082.360	43.545.174.617	4.378.026	521.096.760	51.091.207.973
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	150.768.283.353	271.591.808.824	287.287.717.382	787.565.844	13.104.918.995	723.540.294.398
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	79.068.056.525	48.792.280.519	1.781.234.495.369	45.286.728	8.337.548.119	1.917.477.667.260
Số cuối kỳ	76.630.580.315	63.446.770.744	1.737.687.320.752	40.908.702	7.816.451.359	1.885.622.031.872

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.674.076.469	1.596.310.000	4.270.386.469
Khấu hao trong kỳ	35.321.538		35.321.538
Số cuối kỳ	2.709.398.007	1.596.310.000	4.305.708.007
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.235.617.229	-	2.235.617.229
Số cuối kỳ	2.235.617.229	-	2.235.617.229

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2.076.442.437	22.740.608.149	(19.237.572.585)	-	5.579.478.001
Xây dựng cơ bản dở dang	20.386.725.141	15.201.962.223	-	-	35.588.687.364
Sửa chữa lớn TSCĐ	17.993.429.444	15.983.344.821	-	(33.976.774.265)	-
Cộng	40.456.597.022	53.925.915.193	(19.237.572.585)	(33.976.774.265)	41.168.165.365

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	734.916.360	696.406.528
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	53.580.635	50.830.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	669.335.725	645.576.208
CN tại TP.Hồ Chí Minh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	12.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	21.322.994.152	49.365.103.769
BEN LINE AGENCIES SINGAPORE PTE., LTD	-	25.212.439.376
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	2.763.575.679	2.716.145.148
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hải Phòng	931.956.971	-
Triton Container International Limited-Colle	1.943.036.534	2.287.801.944
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1.263.581.935	1.541.273.054
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	510.644.633	4.263.618.985
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ẬU	-	1.344.506.040

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀNG HẢI NHẬN BIÊN VIỆT NAM	1.222.436.073	-
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC	-	509.561.627
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	675.188.360	795.630.708
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	676.593.562	841.806.933
Công ty TNHH xếp dỡ An Hải	374.174.020	365.053.932
Bright Hill Ship Services	72.253.687	1.024.760.591
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỬA CHỮA TÀU BIÊN MINH GIANG	659.627.980	124.232.659
Công ty TNHH sửa chữa và dịch vụ tàu biển Hải Minh	2.801.967.534	1.643.304.440
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỰ ĐỘNG HÓA HẢI ĐĂNG	303.181.230	613.044.472
Công ty TNHH Ngọc Minh Anh	-	1.705.247.200
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ TÀU VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI ĐẠI DƯƠNG	495.656.172	650.501.280
Các nhà cung cấp khác	6.629.119.782	3.726.175.380
Cộng	22.057.910.512	50.061.510.297

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	83.136.402	73.314.077	(86.443.102)	70.007.377
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.669.092.891	29.112.372.369	(111.669.092.891)	29.112.372.369
Thuế thu nhập cá nhân	2.327.946.536	1.830.884.026	(2.842.682.647)	1.316.147.915
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	114.080.175.829	31.021.570.472	(114.603.218.640)	30.498.527.661

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.450.395.770	153.062.242.551
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	15.097.712	113.466.528
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.097.712	113.466.528
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	126.465.493.482	153.175.709.079
Thu nhập được miễn thuế	(638.394.482)	(3.586.651.517)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	125.827.099.000	149.589.057.562
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	22.360.714.885	23.473.272.625
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	8.754.577.576	14.692.644.500
- Hoạt động khai thác tàu	94.711.806.539	111.423.140.437
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	25.165.419.800	29.917.811.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2.236.071.489)	(2.347.327.263)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.118.035.741)	(1.173.590.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.811.312.570	26.396.893.420
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	21.811.312.570	26.396.893.420
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(4.218.206.477)	(6.078.081.435)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	11.519.266.276	17.108.298.592
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	29.112.372.369	37.427.110.577

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.492.705.153	7.103.819.080
Chi phí hoạt động cảng	2.700.000.000	-
Chi phí hoạt động tàu	1.128.010.000	1.084.540.000
Chi phí lãi vay phải trả	5.664.695.153	6.019.279.080
Cộng	9.492.705.153	7.103.819.080
16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.		
17. Phải trả khác		
17a. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	255.987.393.433	246.191.324.304
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh:	255.747.393.433	245.711.324.304
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	55.648.645.145	48.253.528.556
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	18.364.612.065	16.479.858.054
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	146.685.779.793	124.881.934.533
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.504.511.879	36.123.990.865
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	23.203.621.611	19.972.012.296
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	382.788.434	-
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	957.434.506	-
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	240.000.000	480.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	28.273.069.548	29.301.973.690
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	27.967.620.671	28.409.241.900
Kinh phí công đoàn	117.219.430	118.693.083
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	81.845.600	667.045.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	106.383.847	106.993.107
Cộng	284.260.462.981	275.493.297.994
17b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD</i>	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD</i>	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02/HĐHTKD</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 03-2021/HĐHTKD</i>	115.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02-2022/HĐHTKD</i>	220.000.000.000	220.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	135.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	21.100.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	12.660.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	42.200.000.000	42.200.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	8.440.000.000	8.440.000.000
Cộng	484.000.000.000	484.000.000.000

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021/HĐHTKD ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03-2021/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
Cộng	100.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 02-2021/HĐHTKD ngày 02/02/2021 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	10%
Cộng	110.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	2,07%
Cộng	242.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 02-2022/HĐHTKD ký ngày 15/09/2022 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	236.000.000.000	51,75%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	29,74%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	4,63%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	2,78%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	42.200.000.000	9,25%
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	8.440.000.000	1,85%
Cộng	456.000.000.000	100%

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>25.000.000.000</i>	-
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên ⁽ⁱ⁾	25.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>184.547.561.760</i>	<i>172.920.747.522</i>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>59.268.153.553</i>	<i>56.520.339.315</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	28.056.240.091	29.413.305.979
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	31.211.913.462	27.107.033.336
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>125.279.408.207</i>	<i>116.400.408.207</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	115.216.248.207	106.337.248.207
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Cộng	209.547.561.760	172.920.747.522

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Công ty cổ phần vận tải biển An Biên theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/ABL-HATS ký ngày 19 tháng 01 năm 2023, số tiền vay 25.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay tối đa 3 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2021/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 18 tháng 01 năm 2021, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	56.520.339.315	116.400.408.207	172.920.747.522
Số tiền vay phát sinh trong năm	63.710.948.358	-	63.710.948.358
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	42.717.000.526	42.717.000.526
Số tiền vay đã trả trong năm	(40.884.134.120)	(28.917.000.526)	(69.801.134.646)
Tăng giảm do CLTG thực hiện trong kỳ	-	-	-
CLTG đo đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	79.347.153.553	130.200.408.207	209.547.561.760

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	516.302.967.827	556.504.178.353

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.578.940.000	15.094.730.000
Cộng	528.881.907.827	571.598.908.353

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
 - Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container MARINE BIA số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022, số tiền vay tối đa là 341.950.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 25/03/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN CITY
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container AKIBO số 02.2022/HĐCV/VCB- XDHA ngày 08/11/2022, số tiền vay tối đa là 280.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 08/11/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN ROSE.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng tên STELLAR WILLEMSTADT (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025,. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN VIEW

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	130.200.408.207	116.400.408.207
Trên 1 năm đến 5 năm	528.881.907.827	571.598.908.353
Trên 5 năm	-	-
Cộng	659.082.316.034	687.999.316.560

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	571.598.908.353	138.800.718.509
Số tiền vay phát sinh	-	340.213.500.000
Số tiền vay đã trả trong năm	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(42.717.000.526)	(29.213.178.206)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	57.915.600
Tăng, giảm do chênh lệch tỷ giá	-	-
Số cuối kỳ	<u>528.881.907.827</u>	<u>449.858.955.903</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	30.387.726.213		(1.220.000.000)	29.167.726.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	20.517.244.434		(3.632.000.000)	16.885.244.434
Cộng	<u>50.904.970.647</u>	<u>-</u>	<u>(4.852.000.000)</u>	<u>46.052.970.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	191.640.648.159	-	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	126.665.349.131	126.665.349.131
Trích lập các quỹ	-	-	-	82.315.000.000	(111.125.000.000)	(28.810.000.000)
Trả cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(48.782.751.000)	(48.782.751.000)
Số dư cuối kỳ trước	487.827.510.000	191.640.648.159	-	352.405.070.809	378.334.979.199	1.410.208.208.167
Số dư đầu năm nay	703.446.670.000	191.640.648.159	-	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	104.639.083.200	104.639.083.200
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	703.446.670.000	191.640.648.159	-	352.405.070.809	779.341.884.317	2.026.834.273.285

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.344.667	70.344.667
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	70.344.667	70.344.667
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	70.344.667
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.344.667	70.344.667
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	70.344.667
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	4.446.441,81	2.681.020,39
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	65.114.595.706	73.827.358.377
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	211.028.915.180	190.258.320.818
Doanh thu hoạt động khác	18.961.262.805	23.213.193.516
Cộng	295.104.773.691	287.298.872.711

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	241.964.570	3.742.200
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	595.983.775	915.768.771
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	-	59.367.003
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	2.496.773.214

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	35.269.112.244	41.321.202.236
Giá vốn của hoạt động tàu	104.463.281.012	75.056.052.225
Giá vốn dịch vụ khác	13.054.614.216	11.016.709.921
Cộng	152.787.007.472	127.393.964.382

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	141.367.123	1.554.463.736
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.326.438	26.344.919
Lãi tiền cho vay	316.000.000	582.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	638.394.482	1.589.688.746
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	951.657.478	845.506.280
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	57.442.549
Cộng	2.074.745.521	4.655.946.230

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.731.295.113	3.683.436.289
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	1.280.301.620	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	288.517.019	52.922.173
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	744.149.761	-
Cộng	13.044.263.513	3.736.358.462

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.140.431.737	3.707.323.302
Chi phí vật liệu quản lý	103.025.055	121.582.317
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.371.055	12.898.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.905.242	239.471.856
Thuế, phí và lệ phí	18.329.095	15.519.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.170.030	1.116.648.665
Các chi phí khác	1.918.697.421	2.531.655.694
Cộng	6.241.929.635	7.745.099.773

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.264.787.339	-
Xử lý công nợ	20.013	33.386.290
Thu nhập khác	83.867.538	3
Cộng	1.348.674.890	33.386.293

7. Chi phí khác

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Xử lý công nợ	-	50.540.041
Chi phí khác	4.597.712	25
Cộng	4.597.712	50.540.066

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.199.003.846	1.171.404.615
Phụ cấp	450.000.000	450.000.000
Tiền thưởng	2.615.581.120	3.049.197.687
Cộng	4.264.584.966	4.670.602.302

	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	503.693.846	60.000.000	918.369.017	1.482.062.863
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	316.630.000	60.000.000	609.487.406	986.117.406
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000	200.000.000	260.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	230.220.000	-	276.270.609	506.490.609
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	148.460.000	-	214.454.088	362.914.088
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	30.000.000	55.000.000	85.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban kiểm soát	-	30.000.000	36.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	30.000.000	36.000.000	66.000.000

1.199.003.846 450.000.000 2.615.581.120 4.264.584.966

	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	423.184.615	60.000.000	1.065.955.324	1.549.139.939
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	273.900.000	60.000.000	755.296.174	1.089.196.174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000	200.000.000	260.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	164.760.000	-	296.515.737	461.275.737
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	164.760.000	-	83.965.277	248.725.277
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	144.800.000	-	251.465.175	396.265.175
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	30.000.000	54.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	30.000.000	36.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	30.000.000	36.000.000	66.000.000
	1.171.404.615	450.000.000	3.049.197.687	4.670.602.302

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
HATS phân chia lãi BCC	36.123.990.865	12.000.000.000
Chi phí HATS thuê văn phòng	648.018.602	653.198.120
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)		
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	3.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	32.727.273	21.818.183
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên		
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC	-	80.769.150.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	13.000.000.000
Công nợ với các bên liên quan khác		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.16.		

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	65.114.595.706	211.028.915.180	18.961.262.805	295.104.773.691
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.114.595.706	211.028.915.180	18.961.262.805	295.104.773.691
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.845.483.462	106.565.634.168	5.906.648.589	142.317.766.219
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.241.929.635)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				136.075.836.584
Doanh thu hoạt động tài chính				2.074.745.521
Chi phí tài chính				(13.044.263.513)
Thu nhập khác				1.348.674.890
Chi phí khác				(4.597.712)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21.811.312.570)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				104.639.083.200
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15.187.462.223	70.746.025.631	-	85.933.487.854
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.054.074.670	51.012.195.473	1.384.377.075	58.450.647.218
Lũy kế đến cuối kỳ năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.827.358.377	190.258.320.818	23.213.193.516	287.298.872.711
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.827.358.377	190.258.320.818	23.213.193.516	287.298.872.711
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.506.156.141	115.202.268.593	12.196.483.595	159.904.908.329

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.745.099.773)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				152.159.808.556
Doanh thu hoạt động tài chính				4.655.946.230
Chi phí tài chính				(3.736.358.462)
Thu nhập khác				33.386.293
Chi phí khác				(50.540.066)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(26.396.893.420)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				126.665.349.131
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	651.426.623	1.289.807.247	1.231.489.091	3.172.722.961
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.079.187.444	16.809.569.293	1.498.139.001	24.386.895.738

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	221.830.632.339	2.669.677.605.389	166.227.395.149	3.057.735.632.877
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				602.741.853.401
Tổng tài sản				3.660.477.486.278
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.565.968.167	1.421.424.831.750	134.459.835.210	1.570.450.635.127
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				63.192.577.866
Tổng nợ phải trả				1.633.643.212.993
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.060.158.880	2.636.949.604.796	44.819.131.304	2.881.828.894.980
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân				780.737.762.894

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

bỏ theo bộ phận

Tổng tài sản

3.662.566.657.874

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

24.449.683.398

1.452.348.263.259

261.990.289.123

1.738.788.235.780

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

1.583.232.009

Tổng nợ phải trả

1.740.371.467.789

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải